

Bản án số: 279/2024/HS-ST
Ngày 23-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Chanh, Phó Trưởng Ban Dân vận Quận ủy Hà Đông;

Ông Nguyễn Tiến Phúc, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường Mộ Lao, quận Hà Đông.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 220/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN V, sinh ngày 21/12/2007; ĐKKHKT: Tổ 14, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 22/3/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

2. ĐẶNG MINH T1, sinh ngày 04/4/2006; ĐKKHKT: Tổ C, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số H, Ngõ A đường Q, Tổ C, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Như S1 (đã chết) và bà Hà Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm

giam: từ ngày 22/3/2024 đến ngày 31/3/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân, Quyết định xử phạt hành chính số 147/QĐ-XPHC ngày 01/6/2022 của Phó Trưởng Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội xử phạt hình thức cảnh cáo đối với Đặng Minh T1 hành vi cố ý gây thương tích cho người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. NGUYỄN HOÀNG A, sinh ngày 14/12/2007; ĐKKHKT: Tổ D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số B Ngách H Ngõ A đường Q, Tổ Dân phố D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đào Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 22/3/2024 đến ngày 31/3/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. LÊ NGUYỄN T2, sinh ngày 08/01/2007; ĐKKHKT và nơi ở: Số A Q, Tổ D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình Đ và bà Dương Thị H2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 22/3/2024 đến ngày 31/3/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. NGUYỄN PHÚ V1, sinh ngày 11/6/2007; ĐKKHKT: thôn C, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú H3 và bà Nguyễn Thị B; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 22/3/2024 đến ngày 31/3/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Tiến B1, sinh ngày 15/9/2007; ĐKKHKT và nơi ở: Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Tiến M, sinh năm 1964; ĐKKHKT và nơi ở: Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; là bố đẻ của anh B1; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Văn T3, sinh ngày 18/10/2007; ĐKKHKT và nơi ở: Ngõ C Đường Đ tả đày, Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn N1; ĐKHKT và nơi ở: Ngõ C Đường Đ tả đày, Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; là bố đẻ của anh T3; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T4, sinh ngày 18/10/2007; ĐKHKT và nơi ở: Ngõ C Đường Đ tả đày, Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn N1; ĐKHKT và nơi ở: Ngõ C Đường Đ tả đày, Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; là bố đẻ của anh T4; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tiến M, sinh năm 1964; ĐKHKT và nơi ở: Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Bà Đào Thị H1, sinh năm 1985; ĐKHKT: Tổ D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Hà Thị N, sinh năm 1985; ĐKHKT và nơi ở: Tổ C, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số H, Ngõ A đường Q, Tổ C, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn V:* ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972; ĐKHKT và nơi ở: Số A Ngõ I đường Y, Tổ A, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng A:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; ĐKHKT: Tổ D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: nơi ở: Số B Ngách H Ngõ A đường Q, Tổ Dân phố D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Nguyên T2:* ông Lê Đình Đ, sinh năm 1973; ĐKHKT và nơi ở: Số A Q, Tổ D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Phú V1:* bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977; ĐKHKT: thôn C, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo:

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn V, Đặng Minh T1, Nguyễn Phú V1:* Bà Lê Thu H4, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Lê Nguyên T2: Bà Vũ Ánh T5, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

Đại diện Trường Trung học phổ thông H6 nơi bị cáo Nguyễn Hoàng A học tập: vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Trường Cao đẳng K nơi bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Phú V1 học tập: Bà Lê Thị Hồng T6, Giáo viên – Trưởng khoa Trung học phổ thông; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 19/3/2024, Nguyễn Văn V rủ Nguyễn Hoàng A, Đặng Minh T1 và Lê Nguyên T2 cùng đến Chung cư T, phường P, quận H để V nói chuyện giải quyết mâu thuẫn của Văn V với một người bạn trên mạng xã hội. Văn V bảo Hoàng A mang theo “đồ” (dao, kiếm...) để đề phòng xảy ra đánh nhau. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Hoàng A điều khiển xe mô tô Honda Vision, BKS 29BE-005.88 chở T1; T2 điều khiển xe mô tô Honda Wave, BKS 29V7-556.69 chở Văn V đi từ phường Y, quận H đến Chung cư T, phường P, quận H. Khi đến nơi, Văn V một mình đi vào sảnh chung cư để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn, khoảng 30 phút sau Văn V đi ra, cả nhóm về sân tập thể dục chung của Tổ E, phường Y, quận H ngồi chơi, nói chuyện. Tại đây, các bị cáo rủ nhau đi “bừa” (tìm đề đánh) nhóm nam thanh niên ở huyện C (do tối ngày hôm trước trong lúc các đối tượng đi chơi thì bị nhóm này đuổi đánh ở Quốc lộ F khu vực gần cây xăng C, phường Đ, quận H). Hoàng A điều khiển xe Honda Vision, BKS 29BE-005.88 chở Văn V ngồi sau cầm kiếm, T1 điều khiển xe Honda Wave, BKS 29V7-556.69 chở T2 ngồi sau cầm dao quắm, cả nhóm đi ra Quốc lộ F hướng đi ngã ba Ba La, Q, quận H. Khi đến khu vực đối diện Bến xe Y, quận H thì gặp 01 nhóm đi ngược chiều gồm: Nguyễn Văn T3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 29T1-893.76 chở Nguyễn Tiến B1; Nguyễn Văn T4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không BKS chở Lê Thành L, Văn V ngồi sau nói quay lại thì Hoàng A hô to “đổi kìa”, thấy vậy cả nhóm của Văn V quay xe sang đường đuổi theo nhóm của B1. Lúc này, nhóm của B1 tưởng có người gọi nên đi chậm và dừng xe ở lề đường trước Bến xe Y. T1 điều khiển xe mô tô chở T2 đi trước áp sát vào xe để dọa nhóm của B1 rồi phóng qua, Hoàng A điều khiển xe mô tô chở Văn V đi ngay sau tiếp tục áp sát vào nhóm của B1, Văn V ngồi sau dùng kiếm chém một nhát trúng vào vai trái của T4, sau đó chém tiếp một nhát

trúng vào tay trái của T3 làm xe T3 điều khiển đổ ra đường. Do bị Văn V chém nên T4 chở L quay đầu xe điều khiển về hướng ngã ba Ba La. Hoàng A điều khiển xe đi qua nhóm của B1 khoảng 10m thì Văn V nhảy xuống xe tay cầm kiếm đuổi về phía nhóm của B1, thấy vậy T3, B1 bỏ xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 29T1-893.76 lại rồi chạy bộ dọc vỉa hè. Văn V đưa kiếm cho Hoàng A cầm rồi dựng xe Honda Wave, BKS 29T1-893.76 mà T3, B1 bỏ lại điều khiển xe về hướng cầu M, phường B, quận H (V có ý định từ trước về việc đi đánh nhau nếu “đổi” bỏ xe lại thì Văn V sẽ lấy). Hoàng A, T1, T2 về đến ngã ba Ba L1 gọi điện cho Văn V hỏi đang ở đâu, Văn V bảo đang ở Nhà văn hóa thuộc Tổ C, phường Y, quận H thì Hoàng A, T1, T2 cùng nhau quay về gặp Văn V. Biết việc Văn V lấy xe của nhóm B1 là vi phạm pháp luật nên Hoàng A, T1 và T2 cùng khuyên Văn V2 mang xe để lại khu vực công Bến xe Y để trả nhóm của B1, Văn V2 đồng ý. Cả nhóm mang xe Honda Wave, BKS 29T1-893.76 quay lại dựng ở lề đường nơi xảy ra sự việc rồi tiếp tục đi chơi (Văn V2 cầm chìa khóa xe). Khoảng 01 giờ đồng hồ sau, cả nhóm đến quán game ở khu đất dịch vụ phường Y để Văn V2 lấy xe mô tô của Văn V2 gửi ở đó từ trước rồi đi về Chợ N. Tại đây, Hoàng A đi về trước còn Văn V2, T1 và T2 đi về nhà T2 để cất hung khí. Lúc này, T1 nảy sinh ý định quay lại lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 29T1-893.76 của nhóm B1 để bán lấy tiền nên bảo với Văn V2 “để tao quay lại xem xe còn để đấy không nếu còn thì sẽ lấy”. Sau đó, T1 đi ra kiểm tra thấy xe của nhóm Bạo vẫn để ở đó nên quay lại thông báo và rủ Văn V2 cùng ra lấy xe. T1 và Văn V2 quay lại lấy xe đi về khu đất B, phường Y, quận H. Tại đây, Văn V2 tháo biển kiểm soát của xe mô tô trên đưa cho T1 vứt bỏ (Văn V2, T1 không nhớ vứt ở vị trí nào); T1 bảo Văn V2 giữ xe tìm chỗ bán được thì chia nhau tiền rồi T1 đi xe mô tô của Văn V2 còn Văn V2 đi xe mô tô vừa lấy được về. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20/3/2024, Văn V2 đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 29T1-893.76 đến đón Nguyễn Phú V1 tại địa chỉ Số C, Khu Đô thị V, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (nơi Phú V1 ở nhờ) để cùng đi học, Phú V1 hỏi xe của ai thì Văn V2 bảo xe lấy được của “đổi” đêm qua. Phú V1 biết là Văn V2 đi đánh nhau và lấy được xe của nhóm đối thủ do trước đó Văn V2 có rủ Phú V1 đi đánh nhau nếu nhóm đối thủ bỏ lại xe thì lấy nhưng Phú V1 không đi. Văn Việt nhờ Phú V1 cất chiếc xe lấy được thì Phú V1 chỉ cho Văn V2 chỗ cất xe ở khu vực sân chơi Chung cư L ở gần nơi ở của P.

Hậu quả: Nguyễn Văn T3 bị 01 vết xước dài 06cm tại mu bàn tay trái, Nguyễn Văn T4 bị 01 (một) vết trầy xước đỏ kích thước 02cm tại bả vai trái.

Ngày 21/3/2024, anh B1 đến Công an phường Y trình báo sự việc. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn V, Đặng Minh T1, Nguyễn Hoàng A, Lê Nguyên

T2 và Nguyễn Phú V1 đến Cơ quan Công an đầu thú, giao nộp vật chứng và khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Vật chứng đã thu giữ:

- Thu giữ của Nguyễn Văn V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Pro, IMEI1: 352837112517288, IMEI2: 352837112539563, lắp sim số 0862244869;

- Thu giữ của Nguyễn Hoàng A: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 29BE-005.88, số khung: RLHJK0354PY158360, số máy: JK03E8310747 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, IMEI: 357263095034354, lắp sim số 0345147729;

- Thu giữ của Nguyễn Phú V1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không lắp BKS, số khung: 391XKY278598, số máy: JA39E1140571 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, IMEI: 3548780957335578, lắp sim số 0559245807;

- Thu giữ của Lê Nguyên T2: 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 78cm, chuôi dài 24cm, lưỡi dài 54cm đầu nhọn, bản rộng nhất là 03cm và 01 dao quắm dài 67cm, cán gỗ dài 37cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, IMEI1: 353098102476220; IMEI2: 353098102359624, lắp sim số 0344180107.

Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận H, kết luận: Giá trị tài sản 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, số khung: 391XKY278598, số máy: JA39E1140571 (cũ đã qua sử dụng, đã thu được tang vật) là 13.330.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát người làm chứng và rà soát camera khu vực nơi xảy ra sự việc, có 01 video ghi lại cảnh lúc các đối tượng điều khiển xe đuổi nhóm của anh B1.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Tiến B1 và Nguyễn Văn T3 từ chối đi giám định thương tích, có đơn đề nghị không xử lý các đối tượng về hành vi cố ý gây thương tích và không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Kết quả điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 29T1-893.76 là ông Nguyễn Tiến M, là bố đẻ của Nguyễn Tiến B1. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông M, ông M đã nhận được tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, BKS 29T2-

054.91 thu giữ của Nguyễn Văn V. Kết quả điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn S, là bố đẻ của Văn V. Ngày 19/3/2024, Văn V tự ý lấy chiếc xe đi chơi, nhưng Văn V không sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, xe không nằm trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông S.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn V, Đặng Minh T1, Nguyễn Hoàng A, Lê Nguyên T2 và Nguyễn Phú V1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 215/CT-VKS-HĐ ngày 27/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố như sau:

- Nguyễn Văn V bị truy tố về tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

- Đặng Minh T1 bị truy tố về tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự và tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Hoàng A, Lê Nguyên T2 bị truy tố về tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Phú V1 bị truy tố về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên giữ nguyên bản cáo trạng. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản và sức khỏe của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo chưa thành niên, bông bột, nhận thức pháp luật hạn chế; các bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 90, 91 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các

điều 38, 90, 91 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 05 năm 03 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 90, 91, khoản 1 Điều 103 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Minh T1 từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có; tổng hợp hình phạt chung của 02 tội từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 65, 90, 91 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A, Lê Nguyên T2, mỗi bị cáo từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, nhưng cho hưởng án treo;

- Áp dụng điểm khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 65, 90, 91 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phú V1 từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy kiếm và dao quảm thu giữ của bị cáo; trả xe mô tô cho bà Đào Thị H1 là mẹ của bị cáo Hoàng A; tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước điện thoại thu giữ của bị cáo Văn V; trả lại các bị cáo Hoàng A, T2, Phú V1 điện thoại thu giữ của các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn V, Đặng Minh T1, Nguyễn Phú V1: không có ý kiến về tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự các bị cáo bị truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải giúp cho quá trình điều tra vụ án được nhanh chóng. Các bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi. Bị cáo Phú V1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo Văn V đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cả 03 bị cáo đều đầu thú; bị cáo Phú V1 hiện đang là học sinh, bị cáo có ông nội có công với cách mạng; bị cáo Thanh bố đã mất, mẹ nhiều lo toan bận rộn trong cuộc sống nên thiếu sự quản lý, bản thân bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xử phạt các bị cáo dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm; đề nghị cho bị cáo Phú V1 được hưởng án treo để bị cáo được tiếp tục đi học.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Lê Nguyên T2: không có ý kiến về tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự các bị cáo bị truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo khi phạm tội đều chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật hạn chế; các bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Hoàng A và T2 đều có nhân thân tốt; Hoàng A hiện đang là học sinh, bị cáo có ông nội tham gia quân đội; bị cáo T2 bố mẹ đã ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo Hoàng A và T2 được hưởng án treo.

Đại diện Trường Trung học phổ thông H6 nơi bị cáo Nguyễn Hoàng A học tập vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến.

Đại diện Trường Cao đẳng K nơi bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Phú V1 học tập có mặt tại phiên tòa, nhận xét quá trình học tập tại Nhà trường các bị cáo đều chấp hành đúng nội quy Nhà trường, đề nghị Tòa án xem xét khi xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại Nguyễn Tiến B1 và ông Nguyễn Tiến M1 khai tại phiên tòa: bố mẹ bị cáo Nguyễn Văn V đã trả toàn bộ số tiền sửa chữa chiếc xe máy là 5.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì khác, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Văn V theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T3 và người đại diện hợp pháp của anh T4, anh T3 vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong giai đoạn điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt không yêu cầu các bị cáo bồi thường về thương tích.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Tiến M đã được nhận lại chiếc xe máy bị chiếm đoạt, không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với bà Hà Thị N là mẹ của bị cáo Đặng Minh T1, do đến ngày xét xử, bị cáo T1 đã đủ 18 tuổi nên bà N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá

trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định, định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Tối ngày 19/3/2024, tại sân tập thể dục của Tổ E, phường Y, quận H, Nguyễn Văn V, Đặng Minh T1, Nguyễn Hoàng A và Lê Nguyên T2 rủ nhau đi tìm để đánh nhóm nam thanh niên ở huyện C do tối ngày hôm trước trong lúc các đối tượng đi chơi thì bị nhóm này đuổi đánh ở Quốc lộ F khu vực gần cây xăng C, phường Đ, quận H. Hoàng A điều khiển xe mô tô chở Văn V ngồi sau cầm kiếm, T1 điều khiển xe mô tô chở T2 ngồi sau cầm dao quắm, cả nhóm đi ra Quốc lộ F hướng đi ngã ba Ba La, Q, quận H. Khi đến khu vực đối diện Bến xe Y, quận H thì gặp nhóm đi ngược chiều gồm: Nguyễn Văn T3 điều khiển xe mô tô BKS 29T1-893.76 chở Nguyễn Tiến B1; Nguyễn Văn T4 điều khiển xe mô tô chở Lê Thành L. Văn V nói quay lại thì Hoàng A hô to “đổi kìa”, cả nhóm của Văn V quay xe sang đường đuổi theo nhóm của B1. T1 điều khiển xe mô tô chở T2 đi trước áp sát vào xe để dọa nhóm của B1 rồi phóng qua. Hoàng A điều khiển xe mô tô chở Văn V đi ngay sau tiếp tục áp sát vào nhóm của B1, Văn V ngồi sau dùng kiếm chém một nhát trúng vào vai trái của T4, sau đó chém một nhát trúng vào tay trái của T3 làm xe mô tô T3 điều khiển đổ ra đường. Văn V nhảy xuống xe, tay cầm kiếm đuổi về phía nhóm của B1, thấy vậy T3, B1 để lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 29T1-893.76 đang đỗ trên đường rồi bỏ chạy. Văn V dắt xe Honda Wave, BKS 29T1-893.76 mà T3, B1 bỏ lại điều khiển xe về Nhà V, phường Y, quận H. Xe Honda Wave, BKS 29T1-893.76 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tiến M, là bố của B1, xe có giá trị 13.330.000 đồng. Khi được T1, T2 và Hoàng A khuyên bảo, Văn V mang xe để lại nơi xảy ra sự việc để trả lại cho anh B1 nhưng cầm chìa khóa. Sau đó, T1 nảy sinh ý định lấy xe mang bán lấy tiền chia nhau nên đã rủ Văn V quay lại lấy chiếc xe trên. Văn V và T1 cùng nhau quay lại lấy xe rồi tháo BKS vứt đi. Ngày hôm sau, Văn V mang xe mô tô lấy được của B1 đến nhờ Nguyễn Phú V1 cất giữ hộ. Mặc dù, Phú V1 biết chiếc xe trên là tài sản do Văn V phạm tội mà có nhưng vẫn cùng Văn V cất giữ xe ở khu vực sân chơi Chung cư L ở gần nơi ở của P, đồng thời nói với Văn V nếu bán được xe thì phải chia tiền cho Phú V1, nhưng các bị cáo

chưa kịp bán thì bị phát hiện, Phú V1 đã giao nộp xe để trả lại chủ sở hữu.

Như vậy, mục đích các bị cáo Văn V, T1, Hoàng A và T2 khi đi trên 02 xe mô tô, có mang theo kiếm và dao quắm là để tìm đánh nhóm nam thanh niên ở huyện C do có mâu thuẫn từ trước. Riêng Văn V có ý định nếu nhóm bị đánh để lại xe thì sẽ lấy. Mục đích này của Văn V được chứng minh bởi tin nhắn zalo giữa Văn V và P vào chiều ngày 19/3/2024 (BL197 đến 199, 309), tức là trước khi Văn V thực hiện hành vi tấn công và lấy xe của nhóm B1. Các bị cáo đều khai thống nhất không bàn bạc với nhau về việc lấy xe của nhóm đối thủ; T1, Hoàng A và T2 đều không có mục đích lấy xe của nhóm đối thủ. Văn V sử dụng kiếm chém vào T3 là người điều khiển xe làm cho xe T3 điều khiển đổ ra đường, Văn V cầm kiếm đuổi theo T3 và B1 làm cho T3 và B1 sợ bỏ chạy, để xe mô tô lại hiện trường, Văn V dựng xe điều khiển rời khỏi hiện trường về Nhà văn hóa T7, phường Y. Với diễn biến đó thể hiện việc chiếm đoạt xe mô tô chỉ do một mình Văn V thực hiện; sau khi được khuyên mang xe để lại hiện trường trả bị hại, bị cáo Văn V có mang xe để lại hiện trường nhưng cầm chìa khóa, sau đó cùng T1 quay lại lấy xe mang đi cất giấu, thể hiện rất rõ ý thức chiếm đoạt tài sản. Văn V sử dụng kiếm tấn công và đe dọa để chiếm đoạt tài sản nên hành vi của bị cáo Văn V thỏa mãn dấu hiệu của tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo T1, Hoàng A và T2 không phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về hành vi chiếm đoạt tài sản của Văn V. Tuy nhiên, các bị cáo T1, Hoàng A và T2 cùng với Văn V rủ nhau mang theo kiếm, dao quắm điều khiển xe mô tô đi tìm đánh nhóm có mâu thuẫn. Khi phát hiện nhóm anh B1, các bị cáo lầm tưởng là nhóm có mâu thuẫn nên đã áp sát và tấn công nhóm anh B1 tại trước cổng Bến xe Y, thuộc địa bàn phường Y, quận H, thành phố Hà Nội. Hành vi của các bị cáo làm cho những người có mặt tại hiện trường lo sợ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Chính quyền, đoàn thể sở tại có văn bản báo cáo tình hình mất trật tự trị an do các bị cáo gây nên, đồng thời đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo thỏa mãn dấu hiệu của tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đặng Minh T1, sau khi Văn V mang xe để lại hiện trường, T1 nảy sinh ý định lấy xe để bán lấy tiền; T1 cùng Văn V lấy xe mang về cất giấu mục đích bán lấy tiền chia nhau. T1 biết rõ đó là tài sản của nhóm B1 bỏ lại sau khi bị Văn V tấn công, bản thân T1 còn cùng với Hoàng A và T2 khuyên Văn V mang xe để lại tại hiện trường thể hiện T1 biết rõ đó là tài sản do V phạm tội mà có. T1 có mục đích mang xe về cất giấu để bán nhưng chưa bán được thì bị phát hiện, do đó

hành vi của T1 thỏa mãn dấu hiệu của tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Nguyễn Phú V1, chiều ngày 19/3/2024, Văn V có nhắn tin qua ứng dụng zalo rủ Phú V1 đi đánh nhau, nếu bên đối thủ để lại tài sản thì lấy tài sản đó nhưng Phú V1 không đồng ý đi cùng Văn V. Sáng ngày 20/9/2024, khi Văn V điều khiển xe mô tô đến đón Phú V1, Văn V đã nói rõ là xe Văn Việt chiếm đoạt được nhưng Phú V1 vẫn chỉ chờ giúp Văn V cất giữ ở gần nơi ở của P. Phú V1 không hứa hẹn trước với Văn V về việc giúp cất giữ tài sản nên hành vi của Phú V1 là chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản viện dẫn trong Cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Cá thể hóa trách nhiệm hình sự trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo thấy rằng:

[3.1] Đối với Nguyễn Văn V: Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường tính mạng, sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác, coi thường pháp luật, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội. Khi phát hiện nhóm bị hại, mặc dù chưa biết chính xác có phải là nhóm có mâu thuẫn hay không Văn V đã hô quay lại đuổi; bị cáo trực tiếp dùng kiếm chém vào T4 và T3, tuy thương tích của T4 và T3 không đáng kể, T4 và T3 từ chối giám định thương tích nhưng thể hiện hành vi có tính chất manh động, liều lĩnh. Bị cáo chiếm đoạt tài sản và có ý thức chiếm đoạt đến cùng thông qua hành vi mang xe để lại hiện trường nhưng cầm chìa khóa xe.

[3.2] Đối với hành vi gây rối trật tự công cộng của các bị cáo Hoàng A, T1 và T2: các bị cáo cùng rủ nhau đi tìm đánh nhóm có mâu thuẫn từ trước. Mặc dù chưa biết chính xác có phải là nhóm có mâu thuẫn hay không nhưng Hoàng A đã hô “đổi kìa” để cả nhóm vòng xe quay lại đuổi theo. Hoàng A trực tiếp điều khiển xe áp sát xe của nhóm B1, Văn V ngồi sau xe của Hoàng A sử dụng kiếm chém T4 và T3; kiếm và dao quắm là do Hoàng A chuẩn bị nên xác định Hoàng A có vai trò cao nhất. T1 điều khiển xe mô tô chở T2 cầm dao quắm áp sát vào xe để dọa nhóm của B1, đánh giá vai trò của T1 và T2 ngang nhau. Các bị cáo tuy có bàn bạc trước về việc đi tìm đánh nhóm mâu thuẫn nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[3.3] Bị cáo Đặng Minh T1, ngoài hành vi gây rối trật tự công cộng, bị cáo còn thực hiện hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có với vai trò người thực hành, bị cáo cùng Văn V mang tài sản về và tháo biển kiểm soát vớt đi

thể hiện vai trò tích cực.

[3.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Văn V, tại phiên tòa, bị hại của hành vi cướp tài sản là anh B1 và người đại diện hợp pháp của anh B1 xác nhận bố mẹ bị cáo đã trả toàn bộ số tiền sửa chữa xe mô tô là 5.000.000 đồng và đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo thể hiện ý thức mong muốn bồi thường thiệt hại nên bị cáo Văn V được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Phú V1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.6] Bị cáo Văn V thực hiện hành vi phạm tội khi 16 tuổi 02 tháng 27 ngày; bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội khi 17 tuổi 11 tháng 15 ngày; bị cáo Hoàng A thực hiện hành vi phạm tội khi 16 tuổi 3 tháng 05 ngày; bị cáo T2 thực hiện hành vi phạm tội khi 17 tuổi 02 tháng 11 ngày; bị cáo Phú V1 thực hiện hành vi phạm tội khi 16 tuổi 9 tháng 09 ngày, do đó các bị cáo đều được áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về người dưới 18 tuổi phạm tội khi quyết định hình phạt.

[3.7] Xét hành vi của các bị cáo mạnh động, liều lĩnh cần xử lý nghiêm khắc.

- Bị cáo Văn V phạm tội rất nghiêm trọng, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

- Bị cáo Đặng Minh T1, về nhân thân, Quyết định xử phạt hành chính số 147/QĐ-XPHC ngày 01/6/2022 của Phó Trưởng Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội xử phạt hình thức cảnh cáo đối với Đặng Minh T1 hành vi cố ý gây thương tích cho người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (BL213), thể hiện bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo phạm 02 tội đều lỗi cố ý, trong đó tội Gây rối trật tự công cộng thuộc trường hợp tội nghiêm trọng nên mặc dù bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhưng xét cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ý thức chấp

hành pháp luật.

- Các bị cáo Hoàng A, T2 và Phú V1 đều có nhân thân tốt; là người dưới 18 tuổi phạm tội; không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện có nơi cư trú rõ ràng; Hoàng A và P hiện đang là học sinh trung học phổ thông nên có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo cũng bảo đảm mục đích của hình phạt.

[4] Các bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào hình phạt tù, cứ mỗi ngày tạm giữ, tạm giam được tính trừ một ngày tù.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Nguyễn Tiến M là người đại diện hợp pháp của anh B1; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; ông M và anh B1 không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với thương tích của anh T4 và anh T3: Anh T4, anh T3 và người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn N1 không yêu cầu bồi thường do thương tích không đáng kể nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ một số vật chứng, trong giai đoạn điều tra đã xử lý trả xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không lắp BKS, số khung: 391XKY278598, số máy: JA39E1140571 thu giữ của Nguyễn Phú V1 cho ông Nguyễn Tiến M là có căn cứ. Số vật chứng còn lại cần xử lý như sau:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Pro thu giữ của Văn V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng thu giữ của Hoàng A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng thu giữ của T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen thu giữ của P, các bị cáo đều sử dụng điện thoại liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 29BE-005.88, số khung: RLHJK0354PY158360, số máy: JK03E8310747 thu giữ của Nguyễn Hoàng A: kết quả điều tra xác định xe đăng ký chủ sở hữu là bà Đào Thị H1, bà H1 là mẹ của Hoàng A khai: xe mô tô thuộc quyền sở hữu của bà, ngày 19/3/2024 bà H1 để xe ở nhà và Hoàng A tự lấy xe sử dụng, bà H1 không biết Hoàng A sử dụng vào việc phạm tội; bà H1 đề nghị được xin lại chiếc xe làm phương tiện (BL375, 376); lời khai của bà Huyền phù H5 với lời khai của bị cáo Hoàng A nên trả lại xe cho bà H1.

- Đối với 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 78cm, chuôi dài 24cm, lưỡi dài 54cm đầu nhọn, bản rộng nhất là 03cm và 01 dao quắm dài 67cm, cán gỗ dài 37cm,

lưỡi bằng kim loại dài 30cm thu giữ của Lê Nguyên T2: là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội Cướp tài sản;
- Bị cáo Đặng Minh T1 phạm tội Gây rối trật tự công cộng và tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có;
- Bị cáo Nguyễn Hoàng A và Lê Nguyên T2 phạm tội Gây rối trật tự công cộng;
- Bị cáo Nguyễn Phú V1 phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội Cướp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2024.

- Đối với Đặng Minh T1:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Minh T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Minh T1 05 (năm) tháng tù về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 103 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời giam tạm giữ từ ngày 22/3/2024 đến ngày 31/3/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng A cho Ủy ban nhân dân phường Y, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Hoàng A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Nguyên T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Nguyên T2 cho Ủy ban nhân dân phường Y, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Nguyên T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phú V1 05 (năm) tháng tù về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Phú V1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Phú V1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là anh Nguyễn Tiến B1 và ông Nguyễn Tiến M là người đại diện hợp pháp của anh B1, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Anh Nguyễn Văn T4 và anh Nguyễn Văn T3 và người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn N1 không yêu cầu bồi thường do thương tích của anh T4, anh T3 không đáng kể nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Pro, IMEI1: 352837112517288, IMEI2: 352837112539563, lắp sim số 0862244869 thu giữ của Nguyễn Văn V;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, IMEI: 357263095034354, lắp sim số 0345147729 thu giữ của Nguyễn Hoàng A;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, IMEI1: 353098102476220; IMEI2: 353098102359624, lắp sim số 0344180107 thu giữ của Lê Nguyên T2;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, IMEI: 3548780957335578, lắp sim số 0559245807 thu giữ của Nguyễn Phú V1.

- Trả bà Đào Thị H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 29BE-005.88, số khung: RLHJK0354PY158360, số máy: JK03E8310747 thu giữ của Nguyễn Hoàng A.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 78cm, chuôi dài 24cm, lưỡi dài 54cm đầu nhọn, bản rộng nhất là 03cm;

+ 01 dao găm dài 67cm, cán gỗ dài 37cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm.

Số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hà Nội và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn V, Đặng Minh T1, Nguyễn Hoàng A, Lê Nguyên T2 và Nguyễn Phú V1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo (trừ người bào chữa cho bị cáo Đặng Minh T1); bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/9/2024. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, hoặc cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:

- Công an quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của họ;
- Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ánh